

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026



MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Báo cáo Tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ	7 - 9
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ	10
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ	11 - 12
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ	13 - 48

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026.

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP (sau đây được gọi tắt là “Tổng Công ty”) tiền thân là Tổng Công ty Nhà nước với tên gọi là Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp. Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp được thành lập theo Quyết định số 155/HĐBT ngày 12/5/1990 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) và thành lập lại theo Quyết định số 1117/QĐ/TCCBĐT ngày 27/10/1995 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công thương). Tổng Công ty được chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con theo Quyết định số 3168/QĐ-BCT ngày 15/6/2010 của Bộ Công thương. Ngày 16/11/2015, Tổng Công ty được Bộ Công thương quyết định xác định giá trị doanh nghiệp để chuyển đổi sang Công ty Cổ phần theo Quyết định số 12494/QĐ-BCT.

Tổng Công ty chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần với tên giao dịch là Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần thay đổi lần thứ 07 ngày 20/01/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, thay đổi các lần và thay đổi lần thứ 15 ngày 13/7/2026 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty do Sở Tài chính thành phố Hà Nội cấp.

Vốn Điều lệ của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần thay đổi lần thứ 15 ngày 13/7/2026 là: 1.419.915.000.000 VND (*Bằng chữ: Một nghìn, bốn trăm mười chín tỷ, chín trăm mười lăm triệu đồng*).

Tên giao dịch quốc tế: MACHINES AND INDUSTRIAL EQUIPMENT CORPORATION.

Tên viết tắt là: MIE.

Cổ phiếu của Tổng Công ty hiện đang được giao dịch trên sàn UpCOM với mã giao dịch là MIE.

Tại ngày Báo cáo này, cổ phiếu MIE thuộc diện bị duy trì diện bị cảnh báo theo Quyết định số 289/QĐ-SGDHN ngày 01/4/2026.

Trụ sở chính Tổng Công ty đặt tại số 7A phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Quốc Toàn	Chủ tịch	(Thôi giữ chức vụ ngày 26/6/2026)
Ông Lê Huy Hải	Chủ tịch	(Bầu mới ngày 26/6/2026)
Ông Vũ Trung Thực	Thành viên	(Bầu mới ngày 26/6/2026)
Ông Cù Ngọc Phương	Thành viên	(Chấm dứt nhiệm kỳ ngày 26/6/2026)
Bà Phạm Thị Mai Hương	Thành viên	(Bầu mới ngày 26/6/2026)

Ban Kiểm soát

Ông Đinh Quang Hòa	Trưởng ban	(Thôi giữ chức vụ ngày 26/6/2026)
Bà Lê Thị Minh Huyền	Trưởng ban	(Bầu mới ngày 26/6/2026)
Bà Nguyễn Thị Khánh Ly	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 26/6/2026)
Bà Phan Thị Lê Quỳnh	Thành viên	(Bầu mới ngày 26/6/2026)
Ông Phạm Minh Đức	Thành viên	(Bầu mới ngày 26/6/2026)

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Huy Hải	Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 26/6/2026)
Ông Vũ Trung Thực	Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 26/6/2026)
Ông Nguyễn Văn Giáp	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Cù Ngọc Phương	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Tô Hồng Dân	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Đậu Huy Ngọc Linh	Phó Tổng Giám đốc	

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, ngoài sự kiện đã nêu tại Thuyết minh số 7.1 “Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán”, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Tổng Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30/6/2026 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá, dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ để Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc nhầm lẫn;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được lập phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc, 



Vũ Trung Thực

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 24 tháng 8 năm 2026

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP, được lập ngày 24/8/2026, từ trang 07 đến trang 48, bao gồm Báo cáo Tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30/6/2026, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Như trình bày tại Thuyết minh số 5.2.b, Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ, Tổng Công ty có khoản đầu tư vào hai Công ty con là Công ty TNHH MTV Xuất Nhập khẩu Sản phẩm cơ khí và Công ty TNHH MTV XNK Thiết bị Toàn bộ và Kỹ thuật với giá trị ghi sổ tại ngày 30/6/2026 lần lượt là 186.946.683.204 VND và 35.893.995.830 VND (tại ngày 31/12/2025 có giá trị là 186.946.683.204 VND và 35.893.995.830 VND). Tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Tổng Công ty chưa đánh giá sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư vào hai Công ty con này. Chúng tôi cũng không thu thập được đầy đủ các bằng chứng thích hợp liên quan đến sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này cũng như không thể thực hiện được các thủ tục soát xét thay thế để đánh giá về giá trị dự phòng phải trích lập tại ngày 30/6/2026 và ngày 31/12/2025. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30/6/2026, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 4, Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ, Tổng Công ty đã chính thức hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cấp ngày 20/01/2017. Tuy nhiên, đến ngày phát hành Báo cáo này, các công việc liên quan đến quyết toán cổ phần hóa vẫn trong quá trình thực hiện. Do chưa được Bộ Công thương phê duyệt quyết toán giá trị phần vốn Nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần, Tổng Công ty chưa thực hiện bàn giao chính thức phần vốn Nhà nước sang Công ty Cổ phần.

Như trình bày tại Thuyết minh số 5.18, Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ, Tổng Công ty đã điều chỉnh tăng chỉ tiêu “Vốn góp của chủ sở hữu” (Mã số 411) đồng thời tăng chỉ tiêu “Phải thu ngắn hạn khác” (Mã số 135) số tiền 1.280.511.999 VND nhằm điều chỉnh chỉ tiêu “Vốn góp của chủ sở hữu” trên Báo cáo Tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ bằng (=) với Vốn điều lệ ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần của Tổng Công ty. Tại ngày phát hành Báo cáo này, Tổng Công ty và các đơn vị thành viên vẫn đang chờ Bộ Công thương phê duyệt chính thức hồ sơ quyết toán cổ phần hóa. Việc xử lý dứt điểm khoản chênh lệch nêu trên sẽ phụ thuộc vào quyết định cuối cùng của Cơ quan đại diện chủ sở hữu.

Kết luận ngoại trừ của Chúng tôi không liên quan đến các vấn đề trên.



Nguyễn Tài Dũng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 0133-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 11/2026/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2026 của Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 24 tháng 8 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

TÀI SẢN	MS	TM	Trình bày lại	
			30/6/2026 VND	01/01/2026 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150+160)	100		289.660.441.215 ✓	299.978.919.389 ✓
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	11.237.085.720 ✓	14.984.578.349 ✓
1. Tiền	111		8.237.085.720	1.984.578.349
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.000.000.000	13.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	76.197.800.852 ✓	91.641.723.401 ✓
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123		76.197.800.852	91.641.723.401
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		176.021.126.706 ✓	174.807.256.509 ✓
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	173.473.042.738	184.111.218.145
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	14.930.994.583	6.656.848.511
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		637.500.000	637.500.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	135	5.5	7.796.435.683	6.550.646.610
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	5.6	(20.816.846.298)	(23.148.956.757)
IV. Hàng tồn kho	140	5.7	24.485.429.314 ✓	17.410.822.432 ✓
1. Hàng tồn kho	141		24.485.429.314	17.410.822.432
V. Tài sản sinh học ngắn hạn	150		-	-
VI. Tài sản ngắn hạn khác	160		1.718.998.623 ✓	1.134.538.698 ✓
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	5.8	6.808.364	10.735.033
2. Thuế GTGT được khấu trừ	162		1.310.632.216	729.926.390
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	5.14	401.558.043	393.877.275
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+230+240+250+260+270)	200		1.238.542.181.050 ✓	1.240.505.241.817 ✓
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		37.500.000 ✓	7.500.000 ✓
1. Phải thu dài hạn khác	215	5.5	37.500.000	7.500.000
II. Tài sản cố định	220		21.734.034.922 ✓	22.806.260.890 ✓
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	21.734.034.922	22.806.260.890
- Nguyên giá	222		47.924.610.592	48.021.350.092
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(26.190.575.670)	(25.215.089.202)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	-	-
- Nguyên giá	228		100.000.000	100.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(100.000.000)	(100.000.000)
III. Tài sản sinh học dài hạn	230		-	-

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

TÀI SẢN	MS	TM	Trình bày lại	
			30/6/2026	01/01/2026
			VND	VND
IV. Bất động sản đầu tư	240	5.11	18.942.428.711	19.295.581.553
- Nguyên giá	241		24.131.015.298	24.131.015.298
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(5.188.586.587)	(4.835.433.745)
V. Tài sản dở dang dài hạn	250		-	-
VI. Đầu tư tài chính dài hạn	260	5.2	1.196.460.941.347	1.197.460.941.347
1. Đầu tư vào công ty con	261		1.160.969.434.283	1.160.969.434.283
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262		1.772.952.058	1.772.952.058
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263		17.718.555.006	17.718.555.006
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265		16.000.000.000	17.000.000.000
VII. Tài sản dài hạn khác	270		1.367.276.070	934.958.027
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	5.8	1.367.276.070	934.958.027
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280 = 100+200)	280		1.528.202.622.265	1.540.484.161.206

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/6/2026	01/01/2026
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		107.521.831.374 ✓	119.199.721.372 ✓
I. Nợ ngắn hạn	310		107.521.831.374 ✓	119.199.721.372 ✓
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	25.314.253.697	45.682.281.203
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	40.933.062.382	32.418.537.338
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.14	143.074.376	199.587.398
4. Phải trả người lao động	315		1.308.589.414	4.881.632.632
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	5.15	6.523.836.875	6.467.740.984
6. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319		261.909.096	317.681.820
7. Phải trả ngắn hạn khác	320	5.16	23.264.810.994	23.233.385.264
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	5.17	5.870.003.547	4.170.003.547
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		3.902.290.993	1.828.871.186
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	5.18	1.420.680.790.891 ✓	1.421.284.439.834 ✓
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.419.915.000.000	1.418.634.488.001
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		765.790.891	2.649.951.833
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		732.026	732.024
- LNST chưa phân phối kỳ này	420b		765.058.865	2.649.219.809
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		1.528.202.622.265 ✓	1.540.484.161.206 ✓

Hà Nội, ngày 24 tháng 8 năm 2026

Người lập

Trần Thị Ánh Tuyết

Phụ trách kế toán

Nguyễn Hữu Hiền

Tổng Giám đốc



Vũ Trung Thực

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	38.077.867.180 ✓	121.353.612.241 ✓
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	-	122.654.544
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		38.077.867.180 ✓	121.230.957.697 ✓
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	32.253.613.510	104.164.160.710
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		5.824.253.670 ✓	17.066.796.987 ✓
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	6.4	3.260.804.755	2.149.122.399
8. Chi phí tài chính	23	6.5	78.008.121	114.940.744
- Trong đó: Chi phí lãi vay	24		61.887.672	30.623.288
9. Chi phí bán hàng	25	6.6	-	4.162.673.464
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	8.086.361.932	13.355.289.625
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+21+22-(23+25+26)}	30		920.688.372 ✓	1.583.015.553 ✓
12. Thu nhập khác	31		58.136.048	46.235.686
13. Chi phí khác	32		-	3
14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		58.136.048 ✓	46.235.683 ✓
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		978.824.420 ✓	1.629.251.236 ✓
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	213.765.555	287.654.987
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		765.058.865 ✓	1.341.596.249 ✓

Người lập

Trần Thị Ánh Tuyết

Phụ trách kế toán

Nguyễn Hữu Hiền

Hà Nội, ngày 24 tháng 8 năm 2026

Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP CTCP

THÀNH PHỐ HÀ NỘI

M.S.D.N: 0100101379

Vũ Trung Thực

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		978.824.420 ✓	1.629.251.236 ✓
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		1.425.378.810	1.480.312.974
Các khoản dự phòng	03		(2.332.110.459)	5.523.643.029
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		16.119.609	83.650.456
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05		(3.254.646.188)	(2.128.322.399)
Chi phí đi vay	06		61.887.672	30.623.288
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08		(3.104.546.136) ✓	6.619.158.584 ✓
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		59.449.786.870	50.267.893.759
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(7.074.606.882)	990.032.474
Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(72.940.671.727)	(64.752.702.612)
Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		(428.391.374)	147.028.511
Chi phí đi vay đã trả	14		(5.791.781)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(207.614.570)	(307.337.607)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(570.300.000)	(345.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(24.882.135.600) ✓	(7.380.926.891) ✓
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(2.000.000.000)	(57.372.052.075)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		19.000.000.000	42.797.052.075
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.434.648.560	1.839.236.401
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		19.434.648.560 ✓	(12.735.763.599) ✓

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025
			VND	VND
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		1.900.000.000	1.000.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(200.000.000)	(30.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		1.700.000.000 ✓	970.000.000 ✓
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(3.747.487.040)✓	(19.146.690.490)✓
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	14.984.578.349✓	26.261.064.257✓
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(5.589)	11.414.069
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	11.237.085.720✓	7.125.787.836✓

Hà Nội, ngày 24 tháng 8 năm 2026

Người lập



Trần Thị Ánh Tuyết

Phụ trách kế toán



Nguyễn Hữu Hiền

Tổng Giám đốc



Vũ Trung Thực

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP tiền thân là Tổng Công ty Nhà nước với tên gọi là Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp. Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp được thành lập theo Quyết định số 155/HĐBT ngày 12/5/1990 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) và thành lập lại theo Quyết định số 1117/QĐ/TCCBĐT ngày 27/10/1995 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công thương). Tổng Công ty được chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con theo Quyết định số 3168/QĐ-BCT ngày 15/6/2010 của Bộ Công thương. Ngày 16/11/2015, Tổng Công ty được Bộ Công thương quyết định xác định giá trị doanh nghiệp để chuyển đổi sang Công ty Cổ phần theo Quyết định số 12494/QĐ-BCT.

Tổng Công ty chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần với tên giao dịch là Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần thay đổi lần thứ 07 ngày 20/01/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, thay đổi các lần và thay đổi lần thứ 15 ngày 13/7/2026 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty do Sở Tài chính thành phố Hà Nội cấp.

Vốn Điều lệ của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần thay đổi lần thứ 15 ngày 13/7/2026 là: 1.419.915.000.000 VND (*Bằng chữ: Một nghìn, bốn trăm mười chín tỷ, chín trăm mười lăm triệu đồng*).

Tên giao dịch quốc tế: MACHINES AND INDUSTRIAL EQUIPMENT CORPORATION.

Tên viết tắt là: MIE.

Cổ phiếu của Tổng Công ty hiện đang được giao dịch trên sàn UpCOM với mã giao dịch là MIE.

Tại ngày Báo cáo này, cổ phiếu MIE thuộc diện bị duy trì diện bị cảnh báo theo Quyết định số 289/QĐ-SGDHN ngày 01/4/2026.

Trụ sở chính Tổng Công ty đặt tại số 7A phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Sản xuất chế tạo sản phẩm cơ khí (thiết bị toàn bộ, thiết bị lẻ, kim khí tiêu dùng, chi tiết cụm, chi tiết phụ tùng);
- Đầu tư, xây dựng, chế tạo, lắp đặt, vận hành và chuyển giao các nhà máy nhiệt điện, thủy điện độc lập, điện mặt trời;
- Xây lắp các công trình công nghiệp và dân dụng, công trình giao thông đường bộ, công trình thủy lợi, các công trình hạ tầng đô thị;
- Tư vấn đầu tư và dịch vụ kỹ thuật công nghệ, công nghiệp; kinh doanh thương mại;...

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty là 12 tháng.

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP

Số 7A phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, thành phố Hà Nội

Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC

Ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

1.4 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/6/2026, Tổng Công ty có các Công ty con, Công ty liên kết, đơn vị trực thuộc như sau:

Tên	Ngành nghề kinh doanh	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
I. Công ty con				
1. Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội	Sản xuất chế tạo máy, cắt gọt kim loại, thiết bị công nghệ; Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp, xuất nhập khẩu và kinh doanh thiết bị công nghiệp vật tư;...	Số 76 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân, TP. Hà Nội	100%	100%
2. Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung	Thiết kế, chế tạo công nghệ dây chuyền bột giấy, chế tạo các kết cấu thép, thiết bị phụ tùng công nghiệp, kiểm tra X quang thiết bị chịu áp lực; Sản xuất các sản phẩm giấy, nhập khẩu thiết bị vật tư, kinh doanh kho bãi văn phòng, xuất nhập khẩu thiết bị điện, điện tử công nghiệp dân dụng.	Số 360 đường Giải Phóng, phường Phương Liệt, TP. Hà Nội	100%	100%
3. Công ty TNHH MTV XNK Sản phẩm Cơ khí	Mua bán, xuất nhập khẩu đồ gia dụng, nông sản, máy móc thiết bị, sản xuất kinh doanh các sản phẩm cơ khí;...	Số 4 Vũ Ngọc Phan, phường Láng, TP. Hà Nội	100%	100%
4. Công ty TNHH MTV XNK Thiết bị Toàn bộ và Kỹ thuật	Kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá; Ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá; Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận; Môi giới thương mại;...	Số 13 Phố Đặng Dung, phường Ba Đình, TP. Hà Nội	100%	100%
5. Công ty CP Cơ khí Duyên Hải	Sản xuất kinh doanh thiết bị máy móc, phụ tùng công nghiệp, hộp giảm tốc các loại khung nhà xưởng, thép cán xây dựng thép hình; Xuất nhập khẩu máy móc thiết bị.	Số 133, đường 5 cũ, phường Hồng An, TP. Hải Phòng	98,189%	98,189%
6. Công ty CP Dụng cụ số 1	Kinh doanh các sản phẩm công nghiệp và dụng cụ đo lường cơ khí.	Số 108 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân, TP. Hà Nội	51%	51%

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP

Số 7A phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, thành phố Hà Nội

Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC

Ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

1.4 Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)

Tên	Ngành nghề kinh doanh	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
II. Công ty liên doanh, liên kết				
1. Công ty CP Đầu tư Thương mại Sài Gòn - Hà Nội	Kinh doanh siêu thị, nhà hàng, khách sạn, dự án đầu tư.	Tầng 1, số 201 đường Minh Khai, phường Bạch Mai, TP. Hà Nội	20%	20%
III. Đơn vị trực thuộc				
1. Chi nhánh Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP (*)	Giao dịch, mua bán máy móc thiết bị, vật tư công nghiệp; Xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp; ...	901 Hồng Bàng, phường Bình Tây, TP. Hồ Chí Minh	100%	100%
2. Công ty Xây lắp công nghiệp	Chuẩn bị mặt bằng; Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; ...	Số 7A Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, TP. Hà Nội	100%	100%
3. Công ty Tư vấn Đầu tư và Dịch vụ Kỹ thuật công nghiệp	Tư vấn đầu tư, dịch vụ công nghiệp và chuyển giao công nghệ; Thực hiện các nhiệm vụ do Tổng Công ty ủy quyền.	Số 7A Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, TP. Hà Nội	100%	100%

(*) Chi nhánh Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP (đơn vị trực thuộc) tạm ngừng hoạt động trong thời hạn 01 năm kể từ ngày 01/12/2025 đến hết ngày 30/11/2026 căn cứ theo Quyết định số 818/QĐ-MIE-TCNS ngày 06/11/2025 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP và Giấy xác nhận tạm ngừng hoạt động được cấp bởi Phòng Đăng ký kinh doanh - Tài chính doanh nghiệp thuộc Sở Tài chính của thành phố Hồ Chí Minh ngày 12/11/2025.

1.5 Số lượng người lao động của Công ty mẹ tại thời điểm 30/6/2026

Tổng số lao động của Công ty mẹ tại ngày 30/6/2026 là: 59 người (tại ngày 31/12/2025 là 62 người).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Ngày 27/10/2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp. Thông tư này thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính. Thông tư số 99/2025/TT-BTC áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2026.

Tổng Công ty đã áp dụng các hướng dẫn của Thông tư số 99/2025/TT-BTC kể từ ngày 01/01/2026. Trường hợp việc áp dụng Thông tư này làm thay đổi cách trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ, Tổng Công ty sẽ thực hiện trình bày lại hoặc phân loại lại số liệu so sánh theo quy định. Do đó, các thông tin và số liệu kế toán trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ là có thể so sánh được do đã được tính toán và trình bày nhất quán.

2. KỲ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Chế độ kế toán áp dụng**

Tổng Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính giữa niên độ của các đơn vị trực thuộc và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Tổng Công ty, các nghiệp vụ và số dư giữa Văn phòng Tổng Công ty với các đơn vị trực thuộc và giữa các đơn vị trực thuộc với nhau đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo là Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty, do vậy, không bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty con. Người sử dụng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ nên đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 để có các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty trong kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Quyết toán Cổ phần hóa**

Tổng Công ty đã chính thức hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cấp ngày 20/01/2017. Tuy nhiên, đến ngày phát hành Báo cáo này, các công việc liên quan đến quyết toán cổ phần hóa vẫn trong quá trình thực hiện. Do chưa được Bộ Công Thương phê duyệt quyết toán giá trị phần vốn Nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần, Tổng Công ty chưa thực hiện bàn giao chính thức phần vốn Nhà nước sang Công ty Cổ phần.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc áp dụng tỷ giá hối đoái

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND, ngoại trừ các khoản tiền gửi không kỳ hạn, được quy đổi sang VND, theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch. Tổng Công ty không thực hiện quy đổi đối với một phần hoặc toàn bộ giá trị nợ phải thu có gốc ngoại tệ đã được trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Số dư các khoản tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình tại ngày kết thúc kỳ kế toán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty mở tài khoản tiền gửi.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ và được trình bày theo số thuần trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn, bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 03 tháng và các khoản cho vay.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc sau đó được xác định theo giá trị ghi sổ bao gồm gốc và lãi được hưởng đến ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ, sau khi trừ dự phòng tổn thất (nếu có). Dự phòng tổn thất đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trình bày riêng biệt trên Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)***Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết và đầu tư khác*

Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát, các khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con, Công ty liên kết sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ trong kỳ của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết, các khoản đầu tư khác được trình bày trong Báo cáo Tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Các khoản đầu tư khác

Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất của các khoản đầu tư vào Công ty con, đầu tư vào Công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phân ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào vị trí và trạng thái cần thiết để tài sản có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của Tổng Công ty.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

Tài sản	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	30 - 50
Máy móc, thiết bị	05 - 06
Phương tiện vận tải truyền dẫn	03 - 06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

Khi Tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty là phần mềm máy tính được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào vị trí và trạng thái cần thiết để tài sản có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của Tổng Công ty.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 05 năm.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà cửa, vật kiến trúc do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của Bất động sản đầu tư bao gồm toàn bộ các chi phí (tiền và tương đương tiền) mà Tổng Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được Bất động sản đầu tư tính tới thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành Bất động sản đầu tư đó.

Các chi phí liên quan đến Bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho Bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá Bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà	40

Thanh lý: Lãi và lỗ do thanh lý Bất động sản đầu tư được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc kế toán chi phí chờ phân bổ**

Chi phí chờ phân bổ bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí chờ phân bổ của Tổng Công ty bao gồm: công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa và chi phí khác.

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng, chi phí sửa chữa và chi phí khác được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả người bán, phải trả khác được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản nợ phải trả này được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Tổng Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Tổng Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa Công ty mẹ và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chờ phân bổ

Doanh thu chờ phân bổ gồm: Doanh thu nhận trước (số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng).

Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Tổng Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng có thể được trích vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ để đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó thực sự phát sinh thì khoản chênh lệch (nếu có) được ghi bổ sung hoặc ghi giảm tương ứng.

Nguyên tắc ghi nhận cổ tức phải trả

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu***Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Báo cáo Tình hình tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Báo cáo Tình hình tài chính; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Tổng Công ty tự xác định vào ngày kết thúc kỳ kế toán;
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn;
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)*****Doanh thu xây dựng (Tiếp theo)***

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi được ghi nhận khi thoả mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Chi phí tài chính khác.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập phải nộp được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất hiện hành là 20% trên thu nhập tính thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Các Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng hoạt động sản xuất và điều hành của Tổng Công ty tập trung tại khu vực thành phố Hà Nội trong khi các hoạt động mua hàng và tiêu thụ xảy ra trong phạm vi cả nước và nước ngoài. Do đó, Tổng Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền	30/6/2026	01/01/2026
	VND	VND
Tiền mặt	55.514.976	27.988.536
{i} Tiền gửi không kỳ hạn	8.181.570.744	1.956.589.813
{ii} Các khoản tương đương tiền	3.000.000.000	13.000.000.000
Tổng	11.237.085.720	14.984.578.349
{i} Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, gồm:		
	30/6/2026	01/01/2026
	VND	VND
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	7,577,796,936	528,598,880
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh Hà Nội	160,668,187	142,690,814
Ngân hàng khác	443,105,621	1,285,300,119
Tổng	8,181,570,744	1,956,589,813
{ii} Các khoản tương đương tiền, gồm:		
	30/6/2026	01/01/2026
	VND	VND
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	3,000,000,000	13,000,000,000
Các khoản tiền gửi tại ngân hàng có kỳ hạn nhỏ hơn hoặc bằng 03 tháng, lãi suất từ 4,4%/năm - 4,5%/năm		

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP

Số 7A phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**5.2 Các khoản đầu tư tài chính**

Đơn vị tính: VND

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2026			Trình bày lại 01/01/2026		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng
Ngắn hạn	76.197.800.852	76.197.800.852	-	91.641.723.401	91.641.723.401	-
(i1) Tiền gửi có kỳ hạn	74.372.052.075	74.372.052.075	-	90.372.052.075	90.372.052.075	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	41.000.000.000	41.000.000.000	-	51.000.000.000	51.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương	9.372.052.075	9.372.052.075	-	15.372.052.075	15.372.052.075	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Tài Lộc - Chi nhánh Hà Nội	24.000.000.000	24.000.000.000	-	24.000.000.000	24.000.000.000	-
(*) Tiền gửi có kỳ hạn (lãi dự thu)	1.825.748.777	1.825.748.777	-	1.097.458.997	1.097.458.997	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	848.315.068	848.315.068	-	400.519.178	400.519.178	-
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương	128.258.367	128.258.367	-	530.109.682	530.109.682	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Tài Lộc - Chi nhánh Hà Nội	849.175.342	849.175.342	-	166.830.137	166.830.137	-
(*) Thu về cho vay (lãi dự thu)	-	-	-	172.212.329	172.212.329	-
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu sản phẩm Cơ khí	-	-	-	172.212.329	172.212.329	-

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP

Số 7A phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Tiếp theo)**

	30/6/2026			Trình bày lại 01/01/2026		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng
Dài hạn	16.000.000.090	16.000.000.000	-	17.000.000.000	17.000.000.000	-
(*) <i>Thu về cho vay (tiền gốc)</i>	<i>16.000.000.000</i>	<i>16.000.000.000</i>	<i>-</i>	<i>17.000.000.000</i>	<i>17.000.000.000</i>	<i>-</i>
{i2} Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu sản phẩm Cơ khí	16.000.000.000	16.000.000.000	-	17.000.000.000	17.000.000.000	-
Tổng	92.197.800.852	92.197.800.852	-	108.641.723.401	108.641.723.401	-
<i>Trong đó:</i>						
<i>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các Bên liên quan</i>	<i>16.000.000.000</i>	<i>16.000.000.000</i>	<i>-</i>	<i>17.172.212.329</i>	<i>17.172.212.329</i>	<i>-</i>

(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)

{i1} Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 03 tháng đến 12 tháng tại các ngân hàng TMCP với lãi suất từ 4,3%/năm đến 7,8%/năm. Tại ngày 30/6/2026, số dư các khoản tiền gửi có kỳ hạn đang được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay (hoặc chuẩn bị vay) tại các ngân hàng TMCP là 62.872.052.075 VND;

(Chi tiết tại Thuyết minh số 5.19).

{i2} Hợp đồng vay tiền số 0711/2025/HĐVT-MIE-MECA ngày 7 tháng 11 năm 2025

- Số tiền vay: 17.000.000.000 VND;
- Mục đích: Sử dụng để thanh toán toàn bộ dư nợ gốc tại Agribank Long Biên nhằm được miễn, giảm lãi phí theo văn bản số 2789/NHNo.LB-KHDN ngày 31/10/2025;
- Thời hạn cho vay: 5 năm;
- Lãi suất cho vay: Quy định trong hợp đồng.

(*) Trình bày lại thông tin so sánh (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.3 “Thông tin so sánh”).

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP

Số 7A phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đơn vị tính: VND

Tỷ lệ (%)			30/6/2026			01/01/2026		
	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết						
			Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng
Đầu tư vào Công ty con			1.160.969.434.283	1.160.969.434.283	-	1.160.969.434.283	1.160.969.434.283	-
{1} Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội	100	100	644.670.174.361	644.670.174.361	-	644.670.174.361	644.670.174.361	-
{2} Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung	100	100	163.327.600.924	163.327.600.924	-	163.327.600.924	163.327.600.924	-
{3} Công ty TNHH MTV XNK Sản phẩm Cơ khí	100	100	186.946.683.204	186.946.683.204	-	186.946.683.204	186.946.683.204	-
{4} Công ty TNHH MTV XNK Thiết bị Toàn bộ và Kỹ thuật	100	100	35.893.995.830	35.893.995.830	-	35.893.995.830	35.893.995.830	-
{5} Công ty CP Cơ khí Duyên Hải	98,189	98,189	126.294.786.164	126.294.786.164	-	126.294.786.164	126.294.786.164	-
{6} Công ty CP Dụng cụ số 1	51	51	3.836.193.800	3.836.193.800	-	3.836.193.800	3.836.193.800	-
Đầu tư vào Công ty liên kết			1.772.952.058	1.772.952.058	-	1.772.952.058	1.772.952.058	-
{7} Công ty CP Đầu tư Thương mại Sài Gòn - Hà Nội	20	20	1.772.952.058	1.772.952.058	-	1.772.952.058	1.772.952.058	-

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP

Số 7A phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, thành phố Hà Nội

Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC

Ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

		Tỷ lệ (%)		30/6/2026			01/01/2026		
		Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng
Đầu tư vào đơn vị khác				17.718.555.006	17.718.555.006	-	17.718.555.006	17.718.555.006	-
{8}	Công ty CP Đá Mài Hải Dương	2,22	2,22	3.381.542.806	3.381.542.806	-	3.381.542.806	3.381.542.806	-
{9}	Công ty CP Cơ khí Chế tạo Hải Phòng	10	10	1.432.012.200	1.432.012.200	-	1.432.012.200	1.432.012.200	-
{10}	Công ty CP Xi măng Đồng Bành	10,37	10,37	12.905.000.000	12.905.000.000	-	12.905.000.000	12.905.000.000	-
Vốn góp của Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP				-	-	-	-	-	-
Vốn góp của các cổ đông khác				12.905.000.000	12.905.000.000	-	12.905.000.000	12.905.000.000	-
Tổng				1.180.460.941.347	1.180.460.941.347	-	1.180.460.941.347	1.180.460.941.347	-

{1} Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội do Tổng Công ty nắm giữ 100% vốn; thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp tại ngày 30/9/2014 để phục vụ cho công tác cổ phần hóa Tổng Công ty. Hiện tại, Công ty đang chờ cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hồ sơ quyết toán cổ phần hóa cùng Công ty mẹ của Tổng Công ty.

{2} Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung do Tổng Công ty nắm giữ 100% vốn; thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp tại ngày 30/9/2014 để phục vụ cho công tác cổ phần hóa Tổng Công ty. Tương tự như các công ty con do Tổng Công ty sở hữu 100% Vốn Điều lệ, Công ty đang chờ cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hồ sơ quyết toán cổ phần hóa cùng Công ty mẹ của Tổng Công ty.

Xí nghiệp Kinh doanh Xuất nhập khẩu Tổng hợp (đơn vị trực thuộc của Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung) trước đây do Ông Nguyễn Duy Xuyên - Phó Tổng Giám đốc Công ty kiêm Giám đốc Xí nghiệp điều hành. Do có những dấu hiệu cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng, Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Hà Nội đã ra Quyết định số 142/PC44 (Đ2) ngày 19/4/2013 khởi tố vụ án hình sự, Quyết định số 572/PC44 (Đ2) ngày 05/8/2013 và lệnh bắt tạm giam số 76/PC44(Đ2) cùng ngày khởi tố bị can đối với Ông Nguyễn Duy Xuyên. Ngày 11 tháng 8 năm 2022, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã ban hành Bản án phúc thẩm số 536/2022/HS-PT đối với vụ án hình sự này và do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 50/2020/HS-ST ngày 14 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội. Hiện nay, Công ty vẫn đang theo sát quá trình thi hành án, sau khi xác định được tổn thất liên quan đến vụ án, Công ty sẽ thực hiện các xử lý tài chính tiếp theo.

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP

Số 7A phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

{3} Công ty TNHH MTV XNK Sản phẩm Cơ khí do Tổng Công ty nắm giữ 100% vốn; thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp tại ngày 30/9/2014 để phục vụ cho công tác cổ phần hóa Tổng Công ty và Công ty cũng đang chờ cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hồ sơ quyết toán cổ phần hóa cùng Công ty mẹ của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 của Công ty bao gồm khoản trả trước cho người bán tồn đọng với số tiền là 20.549.503.289 VND và các khoản đầu tư tài chính có giá trị 3.795.990.000 VND đều tồn tại trước thời điểm 30/9/2014 và các khoản phải thu khách hàng phát sinh sau thời điểm 30/9/2014 đã quá hạn thanh toán hoặc thu hồi rất chậm có tổng giá trị 21.152.771.745 VND (đã trích lập dự phòng: 943.707.113 VND) nhưng chưa được xử lý. Công ty đang chờ kết quả phê duyệt cổ phần hóa từ cấp có thẩm quyền và chưa lập dự phòng đối với các nội dung này.

{4} Công ty TNHH MTV XNK Thiết bị Toàn bộ và Kỹ thuật (sau đây được gọi tắt là “Techno Import”) do Tổng Công ty nắm giữ 100% vốn; thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp tại ngày 30/9/2014 để phục vụ cho công tác cổ phần hóa Tổng Công ty. Tương tự các Công ty do Tổng Công ty sở hữu 100% Vốn Điều lệ, Công ty đang chờ cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hồ sơ quyết toán cổ phần hóa cùng Công ty mẹ của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 của Techno Import bao gồm khoản công nợ phải thu tồn đọng trước thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp và đang chờ cơ quan có thẩm quyền xem xét là 65.154.909.973 VND và giá trị tổn thất của hàng tồn kho (máy in màu) chưa được hạch toán vào chi phí trong kỳ là 1.161.556.338 VND.

Ngày 26/3/2018, Tổng Công ty đã có Công văn số 276/CV-MIE-DDV trình Bộ Công Thương về việc báo cáo và đề xuất thực hiện tái cơ cấu Techno Import. Ngày 22/6/2018, Bộ Công Thương đã có Công văn số 4961/BCT- CN về việc tái cơ cấu Techno Import, đồng ý chủ trương thoái vốn đầu tư của Tổng Công ty tại Techno Import. Ngày 29/8/2018, Bộ Công Thương có Công văn số 6935/BCT-CN về phương án thoái vốn của MIE tại Techno Import. Ngày 29/11/2018, Bộ Tài chính đã có Công văn số 14893/BTC-TCĐN về việc hướng dẫn thực hiện thoái vốn MIE đầu tư tại Techno Import.

Ngày 19/4/2019, Tổng Công ty có văn bản số 321/CV-MIE-DDV trình Bộ Công Thương xem xét, chấp thuận Phương án chuyển nhượng tài sản vốn góp của Tổng Công ty tại Techno Import. Theo đó, Tổng Công ty xin đề nghị vận dụng Nghị định số 128/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014 của Chính phủ về bán, giao và chuyển giao doanh nghiệp 100% vốn nhà nước để thực hiện quy trình, thủ tục chuyển nhượng tài sản vốn góp của Tổng Công ty tại Techno Import thông qua phương thức bán đấu giá doanh nghiệp có kế thừa công nợ. Ngày 08/7/2019, Bộ Công Thương đã có văn bản số 4857/BCT-CN nêu rõ Tổng Công ty không thuộc đối tượng và điều kiện áp dụng của Nghị định số 128/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014.

Do những tồn tại, yếu kém về tài chính và hoạt động kinh doanh, ngày 20/10/2025, Hội đồng quản trị Tổng công ty đã ban hành Nghị quyết số 40/NQ-MIE-HĐQT thống nhất thông qua Phương án phá sản Công ty Technoimport. Ngày 17/11/2025, bộ phận đại diện phần vốn nhà nước tại Tổng công ty đã có Công văn số 867/CV-MIE-DDV báo cáo và xin chủ trương của Bộ Công Thương. Tuy nhiên, ngày 29/12/2025, Bộ Công Thương đã chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu vốn Nhà nước tại Tổng công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP về Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước - Công ty TNHH (SCIC). Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, chủ trương cho Techno Import phá sản chưa được cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt.

{5} Công ty Cổ phần Cơ khí Duyên Hải: Được chuyển đổi từ Công ty TNHH NN MTV Cơ khí Duyên Hải trực thuộc Tổng Công ty. Tổng Công ty sở hữu 98,189% cổ phiếu có quyền biểu quyết.

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP

Số 7A phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

{6} Công ty CP Dụng cụ số 1: Được chuyển đổi từ Công ty dụng cụ cắt và đo lường trực thuộc Tổng Công ty. Khoản đầu tư này ban đầu được Tổng Công ty ghi nhận là 3.150.600.000 VND, chiếm 51% cổ phiếu có quyền biểu quyết và được đánh giá lại theo Quyết định số 12494/QĐ-BCT ngày 16/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc xác định giá trị Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp thuộc Bộ Công Thương để cổ phần hóa tại ngày 30/9/2014 là 4.099.574.020 VND. Tại ngày 20/01/2017 (thời điểm chính thức chuyển thành Công ty cổ phần), Tổng Công ty tiến hành đánh giá khoản đầu tư tài chính theo quy định và giá trị đầu tư vào Công ty CP Dụng cụ số 1 được Tổng Công ty ghi nhận là 3.836.193.800 VND.

{7} Công ty CP Đầu tư Thương mại Sài Gòn - Hà Nội: Vốn Điều lệ là 90.000.000.000 VND chia thành 900.000 cổ phần, Tổng Công ty sở hữu 20% cổ phiếu có quyền biểu quyết. Khoản đầu tư này được đánh giá lại theo Quyết định số 12494/QĐ-BCT ngày 16/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc xác định giá trị Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp thuộc Bộ Công Thương để cổ phần hóa tại ngày 30/9/2014 là 1.800.000.000 VND. Tại ngày 20/01/2017, Tổng Công ty tiến hành đánh giá khoản đầu tư tài chính theo quy định và giá trị đầu tư vào Công ty CP Đầu tư Thương mại Sài Gòn - Hà Nội được Tổng Công ty ghi nhận là 1.772.952.058 VND.

{8} Công ty CP Đá Mài Hải Dương: Được chuyển đổi từ Công ty Đá Mài trực thuộc Tổng Công ty. Khoản đầu tư này ban đầu được Tổng Công ty ghi nhận là 1.000.000.000 VND, chiếm 2,22% cổ phiếu có quyền biểu quyết. Căn cứ vào kết quả xác định giá trị đã được phê duyệt, khoản đầu tư này được đánh giá là 1.631.736.071 VND. Tại ngày 20/01/2017 (thời điểm chính thức chuyển thành Công ty cổ phần), Tổng Công ty định giá lại khoản đầu tư này và ghi nhận giá trị khoản đầu tư là 3.717.410.306 VND. Tại ngày 30/6/2026, giá trị khoản đầu tư này được ghi nhận là 3.381.542.806 VND (bao gồm khoản cổ tức mà Tổng Công ty nhận được của giai đoạn trước, sau khi chuyển sang công ty cổ phần).

{9} Công ty CP Cơ khí Chế tạo Hải Phòng: Được chuyển đổi từ Nhà Máy Cơ khí Chế tạo Hải Phòng trực thuộc Tổng Công ty. Khoản đầu tư này ban đầu được Tổng Công ty ghi nhận là 1.037.690.000 VND, chiếm 10% cổ phiếu có quyền biểu quyết. Khoản đầu tư này được đánh giá lại theo Quyết định số 12494/QĐ-BCT ngày 16/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc xác định giá trị Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp thuộc Bộ Công Thương để cổ phần hóa tại ngày 30/9/2014 là 1.463.141.355 VND. Tại ngày 20/01/2017 (thời điểm chính thức chuyển thành Công ty cổ phần), căn cứ vào giá giao dịch cổ phiếu của Công ty CP Cơ khí Chế tạo Hải Phòng, Tổng Công ty đánh giá lại khoản đầu tư này và ghi nhận giá trị khoản đầu tư là 1.432.012.200 VND. Ngày 27/3/2018, Tổng Công ty đã có Công văn số 269/CV-MIE-HĐQT gửi Bộ Công Thương về việc thoái vốn MIE đầu tư tại Công ty CP Cơ khí Chế tạo Hải Phòng. Ngày 04/5/2018, Bộ Công Thương đã có Công văn số 3475/BCT-CN đồng ý về việc thoái hết phần vốn Tổng Công ty đầu tư tại Công ty Cổ phần Cơ khí Chế tạo Hải Phòng. Tuy nhiên việc thoái vốn không thành công và Tổng công ty đã báo cáo với Bộ Công Thương.

{10} Công ty CP Xi măng Đồng Bành: Vốn Điều lệ là 301.000.000.000 VND. Ban đầu, khoản đầu tư này được Tổng Công ty ghi nhận là 31.200.000.000 VND, chiếm 10,37% cổ phiếu có quyền biểu quyết. Khoản đầu tư này được đánh giá lại theo Quyết định số 12494/QĐ-BCT ngày 16/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc xác định giá trị Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp thuộc Bộ Công Thương để cổ phần hóa tại ngày 30/9/2014 là 27.298.839.658 VND. Tại ngày 20/01/2017 (thời điểm chính thức chuyển thành Công ty cổ phần), Tổng Công ty đánh giá lại khoản đầu tư này và ghi nhận giá trị khoản đầu tư là 12.905.000.000 VND, tương ứng với giá trị đầu tư của các cổ đông khác.

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP

Số 7A phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.3 Phải thu của khách hàng

Đơn vị tính: VND

	30/6/2026		01/01/2026	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị Dự phòng
Ngắn hạn	173.473.042.738	(20.042.959.588)	184.111.218.145	(22.375.070.047)
Công ty Cổ phần Thủy điện Trà Khúc 2	24.642.168.231	-	24.642.168.231	-
Công ty CP Tập đoàn Bất động sản Hoàng Gia	39.836.297.736	(7.100.000.000)	39.836.297.736	(7.100.000.000)
Công ty CP Đầu tư Phát triển Bạch Đằng Trường Giang	33.958.921.221	(2.866.095.627)	41.879.733.221	(5.198.206.086)
Đối tượng khác	75.035.655.550	(10.076.863.961)	77.753.018.957	(10.076.863.961)
Tổng	173.473.042.738	(20.042.959.588)	184.111.218.145	(22.375.070.047)
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải thu khách hàng là các Bên liên quan</i>	<i>11.974.504.763</i>	<i>-</i>	<i>16.190.432.620</i>	<i>-</i>
(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)				

5.4 Trả trước cho người bán

Đơn vị tính: VND

	30/6/2026		01/01/2026	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị Dự phòng
Ngắn hạn	14.930.994.583	-	6.656.848.511	-
Công ty TNHH Dịch vụ xây lắp Bảo Diệp	4.717.514.226	-	3.238.777.602	-
Công ty CP kết cấu thép và thiết bị nâng hạ Hoàng Anh	3.332.158.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Hoàng Đạt	2.426.141.402	-	1.605.000.000	-
Các đối tượng khác	4.455.180.955	-	1.813.070.909	-
Tổng	14.930.994.583	-	6.656.848.511	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.5 Phải thu khác

Đơn vị tính: VND

	30/6/2026		01/01/2026	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	7.796.435.683	(136.386.710)	6.550.646.610	(136.386.710)
Phải thu về cổ phần hóa	3.423.839.908	-	3.423.839.908	-
{i} Vốn điều lệ thiếu do Bộ Công thương chưa phê duyệt quyết toán Cổ phần hoá	1.280.511.999	-	-	-
Bảo hiểm xã hội	162.216	-	-	-
(*) Tạm ứng	2.917.397.363	(136.386.710)	2.948.397.363	(136.386.710)
Phải thu Công ty con	6.919.339	-	6.919.339	-
Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội	6.919.337	-	6.919.337	-
Đối tượng khác	2	-	2	-
Phải thu khác	167.604.858	-	171.490.000	-
b) Dài hạn	37.500.000	-	7.500.000	-
Ký cược, ký quỹ	37.500.000	-	7.500.000	-
Tổng	7.833.935.683	(136.386.710)	6.558.146.610	(136.386.710)
Trong đó:				
Phải thu khác là các Bên liên quan	6.919.337	-	6.919.337	-

{i} Chi tiết tại Thuyết minh số 5.18.

(*) Tiền tạm ứng cho Giám đốc của Chi nhánh Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP (đơn vị trực thuộc): 2.668.010.653 VND để thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Chi nhánh.

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP
Số 7A phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

Đơn vị tính: VND

5.6 Nợ xấu

	30/6/2026			01/01/2026		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
Ngắn hạn						
a) Phải thu của khách hàng	62.750.406.516	42.707.446.928	(20.042.959.588)	72.130.406.516	49.755.336.469	(22.375.070.047)
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Cơ khí Sông Hồng	2.196.370.548	-	(2.196.370.548)	2.196.370.548	-	(2.196.370.548)
Công ty Cổ phần Xây dựng và Dịch vụ kỹ thuật TJS	1.074.362.256	-	(1.074.362.256)	1.074.362.256	-	(1.074.362.256)
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bất động sản Hoàng Gia	39.836.297.736	32.736.297.736	(7.100.000.000)	39.836.297.736	32.736.297.736	(7.100.000.000)
Ban điều hành Dự án nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	9.126.210.308	4.563.105.154	(4.563.105.154)	9.126.210.308	4.563.105.154	(4.563.105.154)
Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Bạch Đằng Trường Giang	7.947.353.621	5.081.257.994	(2.866.095.627)	17.327.353.621	12.129.147.535	(5.198.206.086)
Các đối tượng khác	2.569.812.047	326.786.044	(2.243.026.003)	2.569.812.047	326.786.044	(2.243.026.003)
b) Các khoản phải thu khác	773.886.710	-	(773.886.710)	773.886.710	-	(773.886.710)
Lê Quang Hải (Tạm ứng)	136.386.710	-	(136.386.710)	136.386.710	-	(136.386.710)
Công ty CP kinh doanh thiết bị Công nghiệp (TK Phải thu nội bộ)	637.500.000	-	(637.500.000)	637.500.000	-	(637.500.000)
Tổng	63.524.293.226	42.707.446.928	(20.816.846.298)	72.904.293.226	49.755.336.469	(23.148.956.757)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.7 Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	30/6/2026		01/01/2026	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí SXKD dở dang	14.264.901.946	-	15.245.643.674	-
Hàng hoá	10.220.527.368	-	2.165.178.758	-
Tổng	24.485.429.314	-	17.410.822.432	-

5.8 Chi phí chờ phân bổ

	30/6/2026	01/01/2026
	VND	VND
a) Ngắn hạn	6.808.364	10.735.033
Công cụ, dụng cụ và chi phí chờ phân bổ	6.808.364	10.735.033
b) Dài hạn	1.367.276.070	934.958.027
Công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	401.265.863	336.954.847
Chi phí chờ phân bổ dài hạn khác	966.010.207	598.003.180
Tổng	1.374.084.434	945.693.060

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP

Số 7A phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC

Ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.9 Tăng, giảm Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại ngày 01/01/2026	41.972.594.163	564.163.389	5.162.965.812	321.626.728	48.021.350.092
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	(96.739.500)	-	-	(96.739.500)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(96.739.500)	-	-	(96.739.500)
Số dư tại ngày 30/6/2026	41.972.594.163	467.423.889	5.162.965.812	321.626.728	47.924.610.592
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ					
Số dư tại ngày 01/01/2026	20.704.354.893	434.002.544	3.755.105.037	321.626.728	25.215.089.202
Tăng trong kỳ	827.292.786	27.002.046	217.931.136	-	1.072.225.968
- Khấu hao trong kỳ	827.292.786	27.002.046	217.931.136	-	1.072.225.968
Giảm trong kỳ	-	(96.739.500)	-	-	(96.739.500)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(96.739.500)	-	-	(96.739.500)
Số dư tại ngày 30/6/2026	21.531.647.679	364.265.090	3.973.036.173	321.626.728	26.190.575.670
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2026	21.268.239.270	130.160.845	1.407.860.775	-	22.806.260.890
Tại ngày 30/6/2026	20.440.946.484	103.158.799	1.189.929.639	-	21.734.034.922

Nguyên giá các TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2026 là 2.002.671.771 VND (tại ngày 31/12/2025 là 1.932.411.271 VND).

Tại ngày 30/6/2026, Tổng Công ty đã sử dụng tài sản trên đất là trụ sở Tổng Công ty tại 7A Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, TP. Hà Nội làm tài sản thế chấp cho hợp đồng tín dụng hạn mức số 02/2025/31009/HĐTD ngày 31/12/2025 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Giá trị còn lại của tài sản này tại ngày 30/6/2026 là: 20.324.158.088 VND và tại ngày 31/12/2025 là: 21.105.856.478 VND.

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP

Số 7A phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.9 Tăng, giảm Tài sản cố định hữu hình (Tiếp theo)*Danh mục các TSCĐ hữu hình đang hiện hữu trong kỳ có tỷ lệ giá trị từ 10% tổng tài sản cố định hữu hình trở lên**Đơn vị tính: VND*

Tên tài sản	30/6/2026			01/01/2026		
	Nguyên giá	Giá trị HMLK	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị HMLK	Giá trị còn lại
Nhà cửa, vật kiến trúc						
Trụ sở Tổng Công ty 7A Mạc Thị Bưởi	39.084.919.448	18.760.761.360	20.324.158.088	39.084.919.448	17.979.062.970	21.105.856.478

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.10 Tăng, giảm Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Phần mềm máy tính	Tổng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại ngày 01/01/2026	100.000.000	100.000.000
Tăng / giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại ngày 30/6/2026	100.000.000	100.000.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại ngày 01/01/2026	100.000.000	100.000.000
Khấu hao trong kỳ	-	-
Số dư tại ngày 30/6/2026	100.000.000	100.000.000
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2026	-	-
Tại ngày 30/6/2026	-	-

Nguyên giá các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2026 là 100.000.000 VND (tại ngày 31/12/2025 là 100.000.000 VND).

5.11 Tăng, giảm Bất động sản đầu tư

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	01/01/2026	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	30/6/2026
Bất động sản đầu tư cho thuê				
Nguyên giá	24.131.015.298	-	-	24.131.015.298
Nhà	24.131.015.298	-	-	24.131.015.298
Giá trị hao mòn lũy kế	4.835.433.745	353.152.842	-	5.188.586.587
Nhà	4.835.433.745	353.152.842	-	5.188.586.587
Giá trị còn lại	19.295.581.553	-	353.152.842	18.942.428.711
Nhà	19.295.581.553	-	353.152.842	18.942.428.711

Bất động sản đầu tư cho thuê tại tầng 4, Tòa nhà SME Hoàng Gia, số 12 Tô Hiệu, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội được Tổng Công ty sử dụng để cho thuê hoạt động. Giá trị còn lại của bất động sản này tại ngày 30/6/2026 là: 18.942.428.711 VND và tại ngày 31/12/2025 là: 19.295.581.553 VND.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư tại ngày 30/6/2026 cần được trình bày. Tuy nhiên, Tổng Công ty không có đủ thông tin để xác định được giá trị hợp lý của các tài sản này tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.12 Phải trả người bán	30/6/2026 VND	01/01/2026 VND
Ngắn hạn	25.314.253.697	45.682.281.203
Công ty Cổ phần Cơ khí Duyên Hải	10.983.797.705	17.425.991.162
Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội	58.963.222	1.079.816.627
Công ty Cổ phần Kết cấu thép và Thiết bị nâng hạ Hoàng Anh	-	4.420.498.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng cơ khí Đồng Tâm	3.132.665.845	5.259.974.545
Công ty Cổ phần MTS	4.060.300.000	6.060.300.000
Các đối tượng khác	7.078.526.925	11.435.700.869
Tổng	25.314.253.697	45.682.281.203
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả người bán là các Bên liên quan</i>	<i>11.042.760.927</i>	<i>18.505.807.789</i>
(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)		

5.13 Người mua trả tiền trước	30/6/2026 VND	01/01/2026 VND
Ngắn hạn	40.933.062.382	32.418.537.338
Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 10	5.079.779.000	-
Công ty TNHH Xuân Thiện Hà Giang	14.151.005.945	20.332.620.000
Tổng công ty xây dựng Bạch Đằng - CTCP	17.476.710.537	10.554.868.000
Đối tượng khác	4.225.566.900	1.531.049.338
Tổng	40.933.062.382	32.418.537.338

5.14 Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước	Đơn vị tính: VND			
	01/01/2026	Số phải nộp	Số đã nộp	30/6/2026
a) Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	55.953.389	-	55.953.389	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	134.908.279	213.765.555	207.599.458	141.074.376
Thuế thu nhập cá nhân	8.725.730	205.097.433	211.823.163	2.000.000
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	264.255.388	264.255.388	-
Tổng	199.587.398	683.118.376	739.631.398	143.074.376
b) Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	300.461.154	-	-	300.461.154
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	15.112	15.112
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	7.665.656	7.665.656
Phải nộp khác	93.416.121	20.000	20.000	93.416.121
Tổng	393.877.275	20.000	7.700.768	401.558.043

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.15 Chi phí phải trả	30/6/2026	01/01/2026
	VND	VND
Ngắn hạn	6.523.836.875	6.467.740.984
Lãi vay phải trả	6.504.236.875	6.448.140.984
Chi phí phải trả khác	19.600.000	19.600.000
Tổng	6.523.836.875	6.467.740.984

5.16 Phải trả khác	30/6/2026	01/01/2026
	VND	VND
Ngắn hạn	23.264.810.994	23.233.385.264
Thu của các cổ đông góp vốn vào Công ty Cổ phần Xi măng Đồng Bành	12.905.000.000	12.905.000.000
Kinh phí công đoàn	55.519.434	60.703.712
Phải trả về CPH	4.257.988.040	4.257.988.040
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	675.293.758	696.284.958
Nhận lại tiền đặt cọc góp vốn {i}	4.450.000.000	4.450.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	921.009.762	863.408.554
Tổng	23.264.810.994	23.233.385.264

{i} Nhận lại tiền đặt cọc góp vốn xây dựng Toà nhà tại khu trụ sở các Tổng Công ty - Khu đô thị mới Cầu Giấy - Hà Nội. Quyết định số 4982/QĐ-UBND ngày 24/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội chấm dứt giao chủ đầu tư nghiên cứu lập dự án đầu tư tại 11 ô đất theo Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11/11/2008 của UBND thành phố Hà Nội. Theo đó, số vốn góp như sau:

- Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp (nay là Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP): 845.500.000 VND;
- Đối tượng khác: 3.604.500.000 VND.

Theo Công văn số 971/CV-MIE-DDV ngày 22/11/2024 của Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP, Tổng Công ty sẽ phối hợp với Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sài Gòn - Hà Nội để thực hiện các thủ tục liên quan đến việc chấm dứt dự án trên. Các bên sẽ tập hợp hồ sơ, chứng từ về toàn bộ chi phí thực hiện các thủ tục nghiên cứu lập dự án trên ô đất ký hiệu 18-E4 tại Khu trụ sở các Tổng Công ty tại Khu đô thị mới Cầu Giấy, Hà Nội.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.17 Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

	30/6/2026	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	01/01/2026
Vay ngắn hạn	5.870.003.547	1.900.000.000	200.000.000	4.170.003.547
Vay Cá nhân				
Vay các cá nhân thuộc Tổng Công ty	1.870.003.547	1.900.000.000	200.000.000	170.003.547
Nợ dài hạn đến hạn trả				
{1} Tổng Công ty Bia rượu và NGK Sài Gòn (nay là Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn) - SABECO	4.000.000.000	-	-	4.000.000.000
Tổng	5.870.003.547	1.900.000.000	200.000.000	4.170.003.547

Thông tin khoản vay

- {1} Khoản vay Tổng Công ty Bia rượu và NGK Sài Gòn (nay là Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn) - SABECO, lãi suất là 6,6%/năm, thời hạn vay 05 năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.18 Vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	LNST chưa phân phối	Tổng
Số dư tại ngày 01/01/2025	1.418.634.488.001	1.933.580.368	1.420.568.068.369
Lãi trong năm trước	-	2.649.219.809	2.649.219.809
Phân phối lợi nhuận năm trước	-	(1.932.848.344)	(1.932.848.344)
Số dư tại ngày 01/01/2026	1.418.634.488.001	2.649.951.833	1.421.284.439.834
(*) Tăng vốn trong kỳ này	1.280.511.999	-	1.280.511.999
Lãi trong kỳ này	-	765.058.865	765.058.865
{i} Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng ban quản lý điều hành	-	(2.649.219.807)	(2.649.219.807)
Số dư tại ngày 30/6/2026	1.419.915.000.000	765.790.891	1.420.680.790.891

(*) Căn cứ theo Nghị quyết 485/NQ-ĐHĐCĐTN2026 ngày 26/6/2026 của Đại hội đồng cổ đông, Tổng Công ty đã thực hiện điều chỉnh tăng Vốn góp của Chủ sở hữu (Mã số 411) thêm 1.280.511.999 VND để đảm bảo Vốn góp của chủ sở hữu (Mã số 411) trên Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ và Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn chênh lệch 1.280.511.999 VND so với Vốn Điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần của Tổng Công ty. Chênh lệch này là do quá trình xử lý tài chính khi Tổng Công ty chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần theo quy định.

Tổng Công ty và các đơn vị thành viên vẫn đang chờ Bộ Công thương phê duyệt chính thức hồ sơ quyết toán cổ phần hóa. Việc xử lý dứt điểm khoản chênh lệch nêu trên sẽ phụ thuộc vào quyết định cuối cùng của Cơ quan đại diện chủ sở hữu.

{i} Công ty mẹ phân phối Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2025 căn cứ theo tờ trình số 404/TT-MIE-HĐQT ngày 05/6/2026 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty:

- Theo đó, Cơ quan Cơ quan Tổng Công ty phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ: 2.032.981.573 VND;
- Công ty Tư vấn Đầu tư và Dịch vụ kỹ thuật công nghiệp phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ: 616.238.234 VND.

b) Chi tiết Vốn góp của chủ sở hữu

Đối tượng	30/6/2026 VND	01/01/2026 VND
Vốn của Nhà nước và các cổ đông khác	1.419.915.000.000	1.418.634.488.001
Tổng	1.419.915.000.000	1.418.634.488.001

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.18 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)*c) Các giao dịch về vốn Chủ sở hữu*

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	1.418.634.488.001	1.418.634.488.001
Vốn góp tăng trong kỳ	1.280.511.999	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	1.419.915.000.000	1.418.634.488.001

d) Cổ phiếu

	30/6/2026 Cổ phiếu	01/01/2026 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	141.991.500	141.991.500
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	141.991.500	141.991.500
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	141.991.500	141.991.500
Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân	141.991.500	141.991.500
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND / Cổ phiếu)	10.000	10.000

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCPSố 7A phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy,
thành phố Hà Nội**Mẫu số B 09a - DN**Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
Ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.19 Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ*Tài sản sử dụng để cầm cố, thế chấp tại ngày 30/6/2026***a) Tiền gửi có kỳ hạn***Đơn vị tính: VND*

TT	Loại tài sản	Khoản mục	Giá trị	Đối tượng nhận thế chấp, cầm cố	Mục đích đảm bảo	Thời hạn
1	Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	Đầu tư tài chính	11.000.000.000	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	Cho hợp đồng hạn mức thấu chi số 01/2026/31009/HĐTD ngày 25/6/2026	Quy định trong hợp đồng cầm cố
2	Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	Đầu tư tài chính	10.000.000.000	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	Cho hợp đồng hạn mức tín dụng số 02/2025/31009/HĐTD ngày 31/12/2025	Quy định trong hợp đồng cầm cố
3	Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	Đầu tư tài chính	13.000.000.000	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	Cho Hợp đồng bảo lãnh theo món ngày 19/5/2026	Quy định trong hợp đồng cầm cố
4	Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Đầu tư tài chính	4.872.052.075	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Cho Hợp đồng bảo lãnh theo món	Quy định trong hợp đồng cầm cố
5	Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Tài Lộc	Đầu tư tài chính	24.000.000.000	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Tài Lộc	Cho hợp đồng hạn mức tín dụng số 202528335937 ngày 25/9/2025 và các văn bản sửa đổi bổ sung	Quy định trong hợp đồng cầm cố

b) Tài sản cố định*Đơn vị tính: VND*

TT	Loại tài sản	Khoản mục	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Đối tượng nhận thế chấp, cầm cố	Mục đích đảm bảo	Thời hạn
1	Trụ sở Tổng Công ty 7A Mạc Thị Bưởi	Tài sản cố định hữu hình	39.084.919.448	20.324.158.088	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	Cho hợp đồng tín dụng hạn mức số 02/2025/31009/HĐTD ngày 31/12/2025	Quy định trong hợp đồng thế chấp

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Doanh thu	38.077.867.180	121.353.612.241
Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ	15.807.301.230	28.591.583.875
Doanh thu dự án (sản xuất công nghiệp)	22.270.565.950	92.762.028.366
Tổng	38.077.867.180	121.353.612.241

*Trong đó:**Doanh thu với các Bên liên quan*
(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)

7.345.547.285 23.884.330.148

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Giảm giá hàng bán	-	122.654.544
Tổng	-	122.654.544

6.3 Giá vốn hàng bán

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Giá vốn hàng hóa, dịch vụ	14.333.181.774	25.312.371.817
Giá vốn dự án (sản xuất công nghiệp)	17.920.431.736	78.851.788.893
Tổng	32.253.613.510	104.164.160.710

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

6.4 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.101.781.206	1.837.183.804
Cổ tức, lợi nhuận được chia	155.653.500	291.138.595
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.370.049	20.800.000
Tổng	3.260.804.755	2.149.122.399

6.5 Chi phí tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Lãi tiền vay	61.887.672	30.623.288
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	840	667.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	16.119.609	83.650.456
Tổng	78.008.121	114.940.744

6.6 Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Chi phí bán hàng	-	4.162.673.464
Dự phòng chi phí bảo hành	-	4.162.673.464
Chi phí quản lý doanh nghiệp	8.086.361.932	13.355.289.625
Chi phí nhân viên quản lý	5.170.840.871	5.864.765.859
Chi phí vật liệu quản lý	-	1.390.000
Chi phí đồ dùng văn phòng	162.986.807	89.175.458
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.210.618.343	1.228.675.638
Thuế, phí và lệ phí	264.275.388	192.777.644
Dự phòng phải thu khó đòi	(2.332.110.459)	1.360.969.565
Chi phí dịch vụ mua ngoài	256.859.652	608.567.736
Chi phí bằng tiền khác	3.352.891.330	4.008.967.725
Tổng	8.086.361.932	17.517.963.089

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
 Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	978.824.420	1.629.251.236
Các khoản điều chỉnh		
Tăng Thu nhập chịu thuế	50.965.920	70.965.920
+ <i>Khấu hao ô tô</i>	50.965.920	50.965.920
+ <i>Chi phí không hợp lý và chi phí khác</i>	-	20.000.000
Giảm Thu nhập do được miễn thuế	(155.653.500)	(323.365.914)
+ <i>Cổ tức nhận được trong kỳ</i>	(155.653.500)	(291.138.595)
+ <i>Khác</i>	-	(32.227.319)
Tổng lợi nhuận kế toán sau điều chỉnh	874.136.840	1.376.851.242
Chuyển lỗ các năm trước	(69.748)	-
Tổng thu nhập tính thuế Thu nhập doanh nghiệp	874.067.092	1.376.851.242
Chi phí Thuế TNDN hiện hành	213.765.555	287.654.987

6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Chi phí nguyên vật liệu	18.608.475.360	92.727.695.780
Chi phí nhân công	6.157.899.755	8.274.416.416
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.425.378.810	1.480.312.974
Chi phí dự phòng	(2.332.110.459)	6.884.612.594
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.912.325.325	7.221.908.165
Chi phí bằng tiền khác	3.931.834.682	5.008.476.372
Tổng	30.703.803.473	121.597.422.301

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC
7.1 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

- Ngày 14/7/2026, Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP đã gửi Công văn số 559/CV-MIE-TCKT về việc đề nghị huỷ tư cách công ty đại chúng đối với Tổng Công ty do Tổng Công ty không còn đáp ứng điều kiện công ty đại chúng tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước - Bộ Tài chính;
- Ngày 28/7/2026, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã có Công văn phúc đáp số 7021/UBCK-GSĐC tới Tổng Công ty. Theo đó, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đề nghị Tổng Công ty tiếp tục theo dõi việc đáp ứng điều kiện công ty đại chúng trong 01 năm kể từ ngày 21/01/2026. Sau ngày 21/01/2027 mà Tổng Công ty vẫn không đáp ứng điều kiện công ty đại chúng thì Tổng Công ty gửi văn bản thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (Tiếp theo)**7.2 Giao dịch đối với các Bên liên quan**

Danh sách các Bên liên quan của Tổng Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổ chức	
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước - TNHH	Cổ đông lớn và có ảnh hưởng đáng kể
Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội	Công ty con
Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung	Công ty con
Công ty TNHH MTV XNK Sản phẩm Cơ khí	Công ty con
Công ty TNHH MTV XNK Thiết bị Toàn bộ và Kỹ thuật	Công ty con
Công ty CP Cơ khí Duyên Hải	Công ty con
Công ty CP Dụng cụ số 1	Công ty con
Công ty CP Đầu tư Thương mại Sài Gòn - Hà Nội	Công ty liên kết
Chi nhánh Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP	Đơn vị trực thuộc
Công ty Xây lắp công nghiệp	Đơn vị trực thuộc
Công ty Tư vấn Đầu tư và Dịch vụ kỹ thuật công nghiệp	Đơn vị trực thuộc
Cá nhân	
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, người quản lý khác và các thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân là Bên liên quan của Tổng Công ty	Ảnh hưởng đáng kể

Trong kỳ, Tổng Công ty có các giao dịch sau với các Bên liên quan:

Giao dịch với các nhân sự chủ chốt

Lương, thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Người quản lý khác

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác	Tiền lương và thù lao	1.145.508.000	1.689.714.152
Ban kiểm soát		192.000.000	320.760.000
Tổng		1.337.508.000	2.010.474.152

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

7.2 Giao dịch đối với các Bên liên quan (Tiếp theo)**Giao dịch với các Bên liên quan**

(Giá trị giao dịch không bao gồm thuế VAT)

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Bán hàng		7.345.547.285	23.884.330.148
Công ty Cổ phần Cơ khí Duyên Hải	Bán hàng hoá	344.018.400	3.454.400.209
Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội	Bán hàng hoá	-	5.036.373.900
Công ty TNHH MTV XNK Sản phẩm Cơ khí	Bán hàng hoá	6.991.377.272	15.384.412.170
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thiết bị toàn bộ và kỹ thuật	Cung cấp dịch vụ	10.151.613	9.143.869
Mua hàng		3.493.665.900	36.287.877.767
Công ty Cổ phần Cơ khí Duyên Hải	Mua vật tư	3.129.726.600	26.835.309.600
Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội	Mua vật tư	-	8.460.960.637
Công ty Cổ phần Dụng cụ số 1	Mua vật tư	363.939.300	991.607.530
Giao dịch khác			
Công ty Cổ phần Dụng cụ số 1	Thu tiền vay	-	1.425.000.000
Công ty TNHH MTV XNK Sản phẩm Cơ khí	Thu tiền vay	1.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV XNK Sản phẩm Cơ khí	Thu tiền lãi	854.077.945	-

Số dư với các Bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	30/6/2026 VND	01/01/2026 VND
Các khoản đầu tư tài chính			
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		16.000.000.000	17.172.212.329
Công ty TNHH NN MTV Xuất nhập khẩu sản phẩm cơ khí	Thu về cho vay	16.000.000.000	17.172.212.329
Phải thu của khách hàng		11.974.504.763	16.190.432.620
Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội	Công ty con	4.974.440.959	9.712.873.982
Công ty Cổ phần Cơ khí Duyên Hải	Công ty con	378.420.240	186.945.716
Công ty TNHH MTV XNK Sản phẩm Cơ khí	Công ty con	6.621.643.564	6.290.612.922
Phải thu khác		6.919.337	6.919.337
Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội	Công ty con	6.919.337	6.919.337
Phải trả người bán		11.042.760.927	18.505.807.789
Công ty Cổ phần Cơ khí Duyên Hải	Công ty con	10.983.797.705	17.425.991.162
Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội	Công ty con	58.963.222	1.079.816.627

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

7.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên Báo cáo Tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 là kỳ kế toán đầu tiên Tổng Công ty áp dụng chế độ kế toán ban hành kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính, do đó Tổng Công ty đã trình bày lại một số chỉ tiêu đầu kỳ trên Báo cáo Tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty như sau:

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	01/01/2026	31/12/2025	01/01/2026
	Trình bày lại	Trước điều chỉnh	Chênh lệch
	{1}	{2}	{3} = {1} - {2}
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN			-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	91.641.723.401	90.372.052.075	1.269.671.326
2. Phải thu ngắn hạn khác	6.550.646.610	7.820.317.936	(1.269.671.326)
B. TÀI SẢN DÀI HẠN			
1. Phải thu dài hạn khác	7.500.000	17.007.500.000	(17.000.000.000)
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	17.000.000.000	-	17.000.000.000

Thông tin so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Hà Nội, ngày 24 tháng 8 năm 2026

Người lập



Trần Thị Ánh Tuyết

Phụ trách kế toán



Nguyễn Hữu Hiền

Tổng Giám đốc



Vũ Trung Thực